ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG
Số: TVHN-267/AGIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 24 tháng 9 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THUỶ VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến tình hình thuỷ văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng; diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm, khu vực nội đồng mực nước lên chậm.

- Khu vực sông Mekong tại Kratie (Campuchia): Mực nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 23/9 trên các sông, kênh cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 12-28cm và ở mức thấp hơn TBNN từ 08-26cm. Riêng tại Khánh An, mực nước cao nhất và thấp nhất cao hơn TBNN từ 23-24cm và ở mức trên BĐ1 từ 19-25cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên nhanh. Mực nước cao nhất ngày 23/9 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 10-38cm. Mực nước cao nhất sông Hậu tại Long Xuyên trên BĐ2 15cm, trên rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới trên BĐ2 22cm, trên sông Vàm Nao tại Phú Tân trên BĐ1 22cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên chậm do ảnh hưởng lũ thượng nguồn và mưa nội đồng. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 23/9 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN phổ biến từ 05-35cm. Mực nước cao nhất trạm Vĩnh Hanh trên kênh Núi Chóc Năng Gù đạt BĐ2; một số trạm trên kênh Vĩnh Tế, Tri Tôn, Ba Thê, Rạch Giá-Long Xuyên, Cái Sắn trên BĐ1 từ 15-38cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 23/9 là 61cm (dưới BĐ1 19cm), thấp hơn đỉnh triều ngày hôm trước 10cm.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh có xu thế lên chậm theo triều trong 5 ngày tới. Mực nước cao nhất tại trạm Khánh An duy trì ở mức trên BĐ1 từ 20-30cm.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch có xu thế lên theo triều. Mực nước cao nhất trên sông Hậu tại Long Xuyên khả năng trên BĐ3 từ 20-30cm; trên Rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới khả năng đạt BĐ3.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch có xu thế lên chậm trong những ngày tới do ảnh hưởng lũ thượng nguồn về kết hợp mưa nội đồng và triều cường trên sông Hậu.

- Vùng cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày tại trạm Xẻo Rô trên sông Cái Lớn có xu thế xuống chậm theo triều trong 3 ngày tới, sau lên lại theo kỳ triều cường.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Xuất hiện ngập, úng khu vực trũng thấp vùng đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu và khu vực nội đồng TGLX. Ngập lụt vùng hạ lưu sông tại các xã Chợ Mới, Nhơn Mỹ và Mỹ Hòa Hưng; ngập lụt trong khu vực đô thị tại các phường Long Xuyên, Bình Đức và Mỹ Thới....do triều cường kết hợp mưa lớn.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiện tượng ngập, úng ảnh hưởng đến giao thông và hoạt động sản xuất địa phương.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 25/9/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin

Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày 23/9		So với 22/9		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ1	BĐ2	BĐ3									24/9	25/9	26/9	27/9	28/9
Tiền	Tân Châu	350	400	**450**	Hmax	**340**	8	▲	25	▲	-13	▼	343	346	349	352	355
					Hmin	**313**	4	▲	28	▲	-25	▼	315	318	321	324	327
Ông Chưởng	Chợ Mới	200	250	**300**	Hmax	**272**	14	▲	12	▲	27	▲	277	282	292	302	310
					Hmin	**210**	0	◀▶	18	▲	4	▲	210	215	225	235	239
Hậu	Khánh An	420	470	**520**	Hmax	**445**	1	◀▶	27	▲	24	▲	447	449	447	445	443
					Hmin	**439**	2	▲	22	▲	23	▲	441	443	445	443	441
	Châu Đốc	300	350	**400**	Hmax	**304**	13	▲	17	▲	-8	▼	309	312	315	318	320
					Hmin	**268**	3	▲	20	▲	-26	▼	270	273	276	279	282
	Long Xuyên	190	220	**250**	Hmax	**235**	22	▲	-5	▼	38	▲	240	245	255	270	280
					Hmin	**148**	1	◀▶	0	◀▶	10	▲	151	156	166	176	180
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	**330**	Hmax	**272**	16	▲	10	▲	13	▲	277	282	292	299	305
					Hmin	**217**	3	▲	14	▲	-9	▼	217	222	232	242	246
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	**400**	Hmax	**330**	2	▲	58	▲	47	▲	332	334	334	334	334
					Hmin	**324**	4	▲	54	▲	45	▲	326	328	330	332	332
	Vĩnh Gia	200	240	**280**	Hmax	**167**	4	▲	50	▲	18	▲	173	175	177	179	180
					Hmin	**163**	6	▲	48	▲	17	▲	166	168	170	172	174
	Vĩnh Điều	170	200	**230**	Hmax	**147**	4	▲	48	▲	37	▲	153	155	157	159	160
					Hmin	**143**	5	▲	46	▲	38	▲	146	148	150	152	154
T3	Vĩnh Phú	150	180	**210**	Hmax	**127**	2	▲	33	▲	24	▲	133	135	137	139	140
					Hmin	**125**	4	▲	33	▲	25	▲	128	130	132	134	136
T5	Nông Trường	160	190	**220**	Hmax	**136**	4	▲	30	▲	26	▲	142	144	146	148	150
					Hmin	**132**	3	▲	27	▲	25	▲	135	137	139	141	143
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	**280**	Hmax	**178**	4	▲	8	▲	-14	▼	188	208	223	233	238
					Hmin	**174**	4	▲	5	▲	-15	▼	176	186	204	219	229
	Cô Tô	140	180	**220**	Hmax	**173**	1	◀▶	21	▲	26	▲	183	198	210	215	220
					Hmin	**171**	6	▲	22	▲	27	▲	173	181	196	206	211
	Nam Thái Sơn	90	120	**150**	Hmax	**116**	1	◀▶	18	▲	28	▲	126	136	144	147	150
					Hmin	**113**	4	▲	16	▲	28	▲	115	123	133	140	142
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	**250**	Hmax	**150**	4	▲	33	▲	2	▲	160	170	180	185	190
					Hmin	**145**	4	▲	31	▲	-1	◀▶	147	155	165	175	180
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	**220**	Hmax	**178**	3	▲	19	▲	29	▲	188	193	198	203	208
					Hmin	**173**	8	▲	22	▲	28	▲	175	183	191	196	201
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	**270**	Hmax	**230**	6	▲	12	▲	17	▲	240	245	250	255	260
					Hmin	**217**	5	▲	7	▲	12	▲	222	227	232	237	242
RG-LX	Núi Sập	140	180	**220**	Hmax	**170**	9	▲	13	▲	10	▲	180	184	187	190	192
					Hmin	**152**	5	▲	10	▲	-1	◀▶	157	162	167	172	177

RG-LX	Tân Thành	120	150	**180**	Hmax	**133**	2	▲	16	▲	22	▲	143	146	148	150	152
					Hmin	**129**	6	▲	17	▲	22	▲	132	137	141	145	147
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	**150**	Hmax	**105**	1	◀▶	13	▲	12	▲	111	114	116	118	120
					Hmin	**102**	4	▲	12	▲	11	▲	103	107	110	113	115
Kiên	Rạch Giá	70	80	**90**	Hmax	**56**	-7	▼	6	▲	4	▲	54	52	50	50	53
					Hmin	**16**	5	▲	7	▲	19	▲	18	20	22	19	16
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	**100**	Hmax	**61**	-10	▼	11	▲	12	▲	65	63	60	63	66
					Hmin	**-1**	0	◀▶	8	▲	16	▲	-2	-3	-4	-5	-9

Chú thích: ▲ *Cao hơn;* ▼ *Thấp hơn;* ◀▶ *Xấp xỉ;*

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm

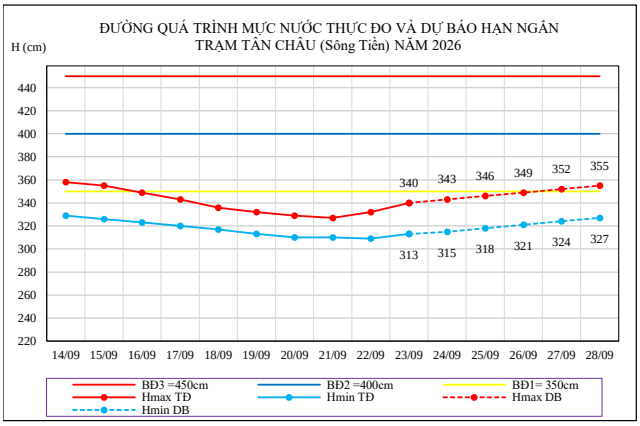

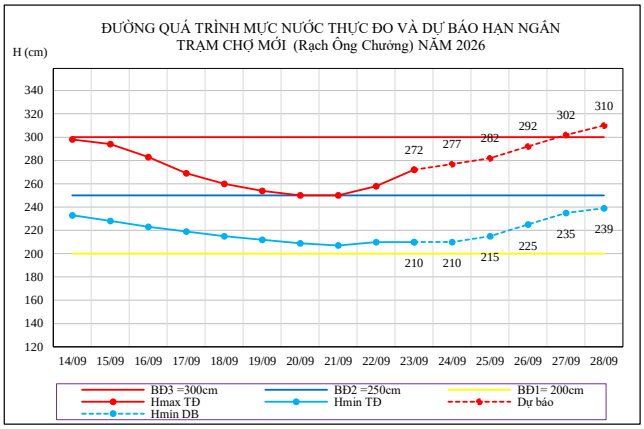

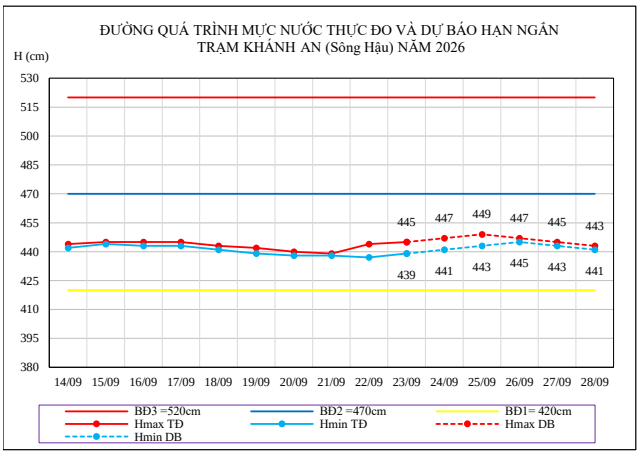

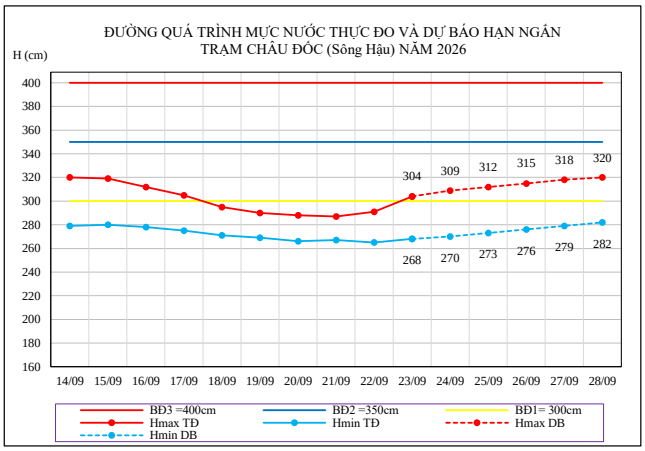

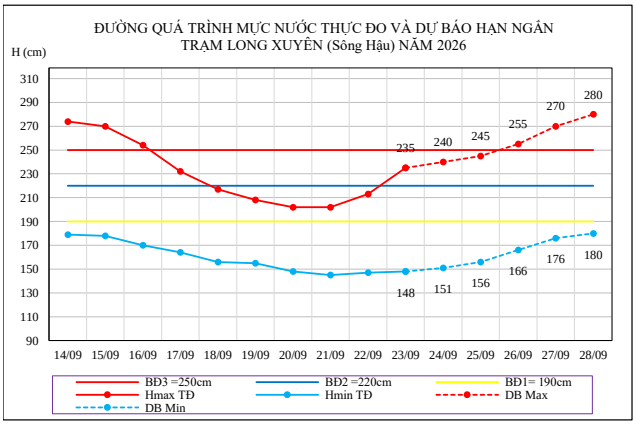

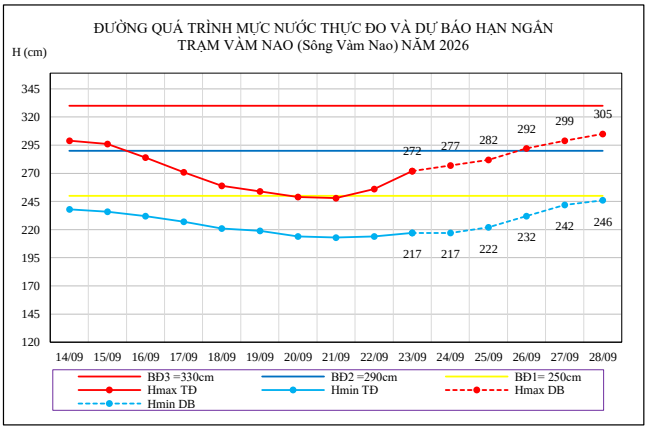

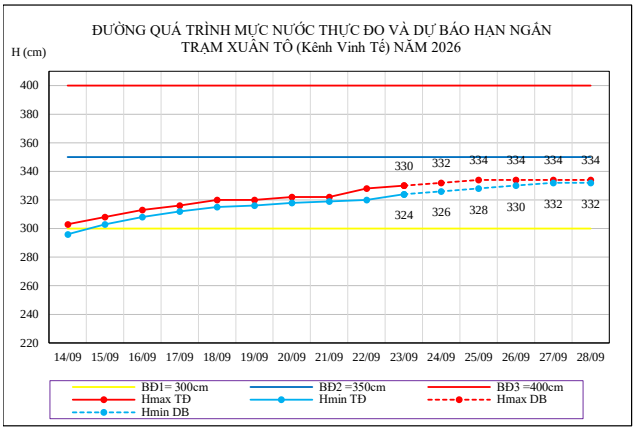
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XUÂN TÔ (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ1= 300cm
BĐ2 =350cm
BĐ3 =400cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

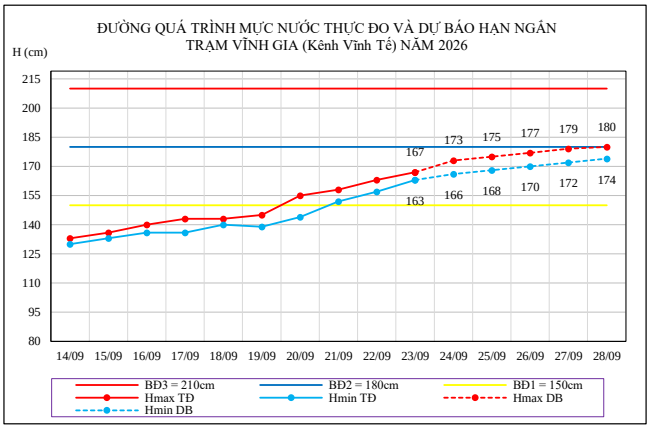
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH GIA (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 = 210cm
BĐ2 = 180cm
BĐ1 = 150cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

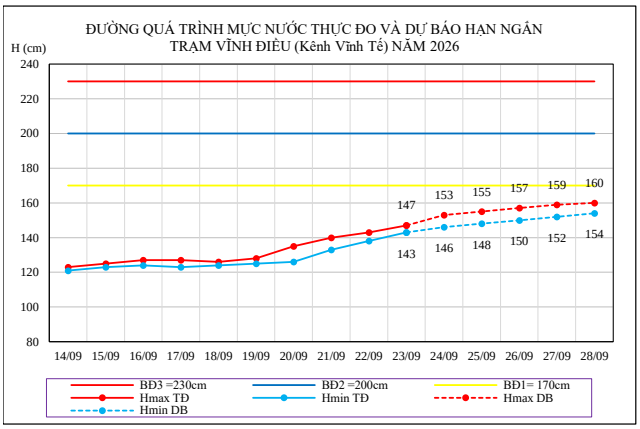
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH ĐIỀU (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =230cm
BĐ2 =200cm
BĐ1= 170cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

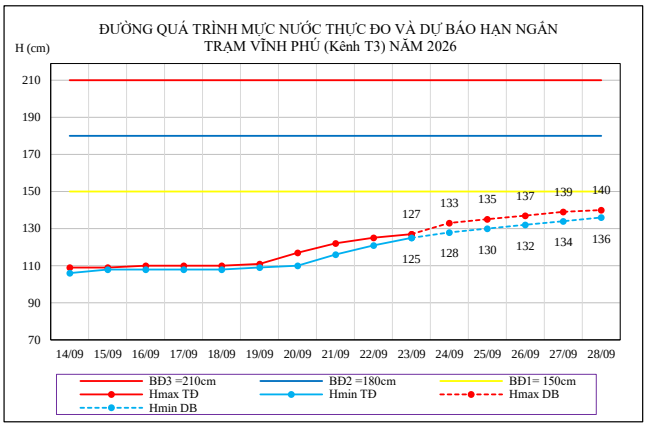
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH PHÚ (Kênh T3) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =210cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 150cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

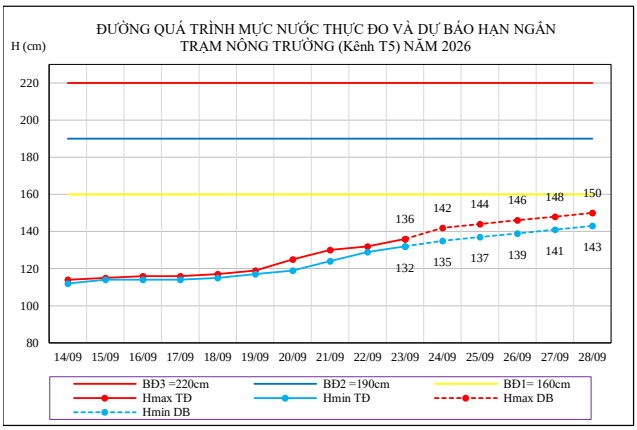
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÔNG TRƯỜNG (Kênh T5) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =190cm
BĐ1= 160cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

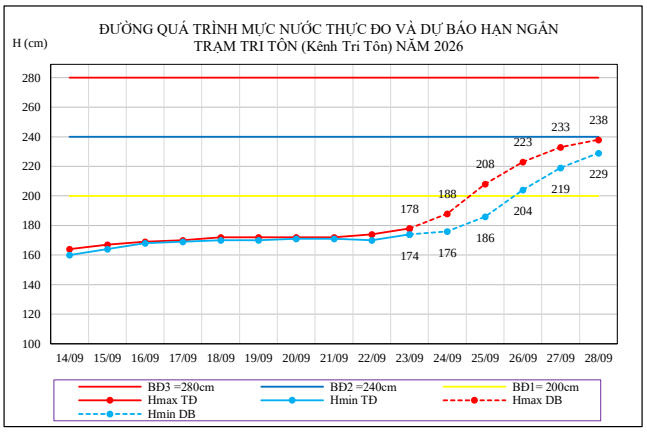
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TRI TÔN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =280cm
BĐ2 =240cm
BĐ1= 200cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

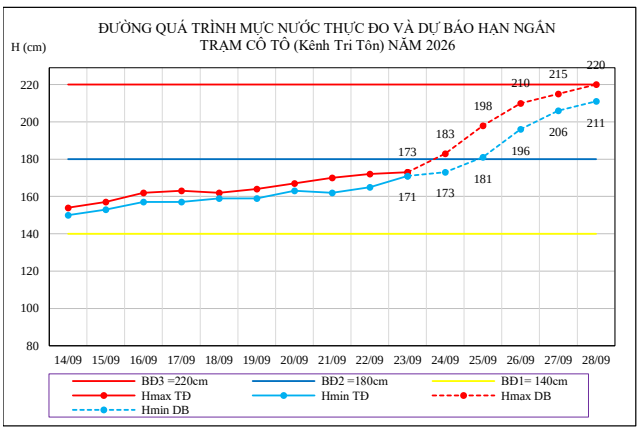
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM CỒ TÔ (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

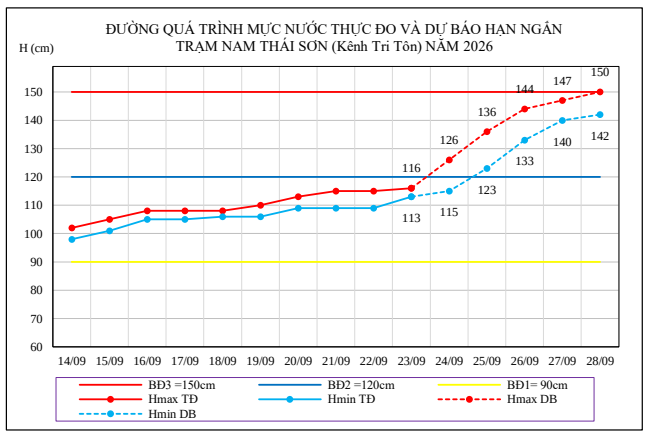
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NAM THÁI SƠN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =150cm
BĐ2 =120cm
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

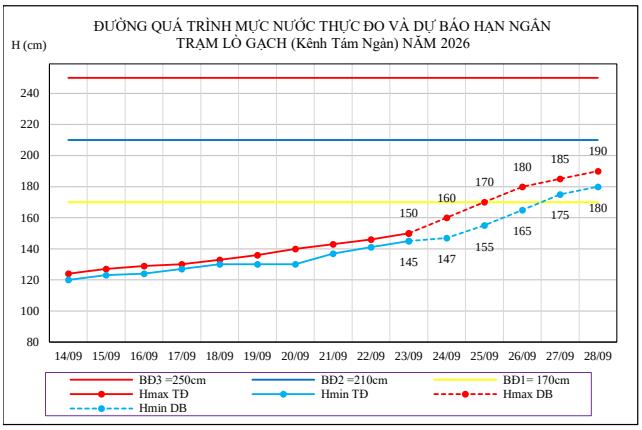
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM LÒ GẠCH (Kênh Tám Ngàn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =250cm
BĐ2 =210cm
BĐ1= 170cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

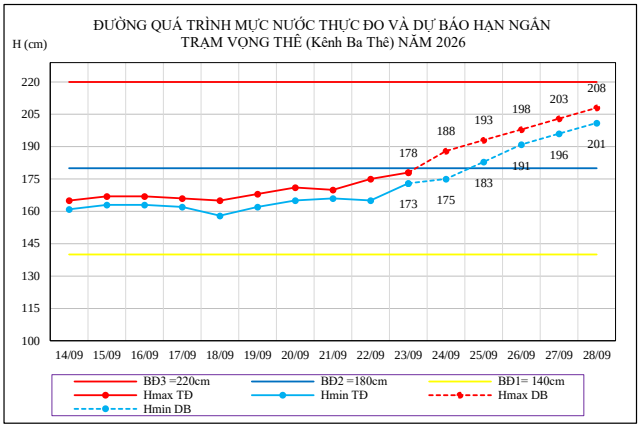
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VỌNG THÊ (Kênh Ba Thê) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

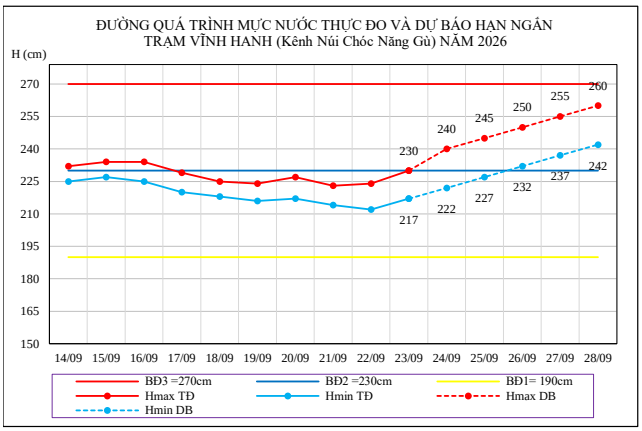
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH HANH (Kênh Núi Chóc Năng Gù) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =270cm
BĐ2 =230cm
BĐ1= 190cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

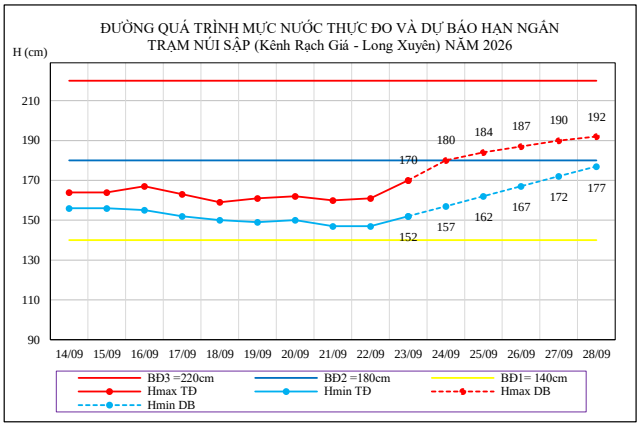
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÚI SẬP (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =220cm
BĐ2 =180cm
BĐ1= 140cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

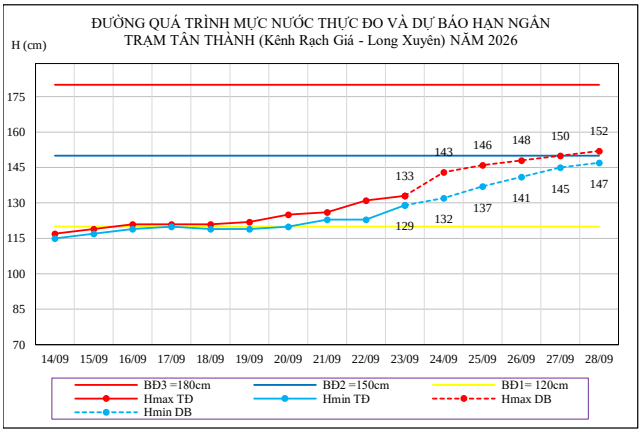
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN THÀNH (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =180cm
BĐ2 =150cm
BĐ1= 120cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

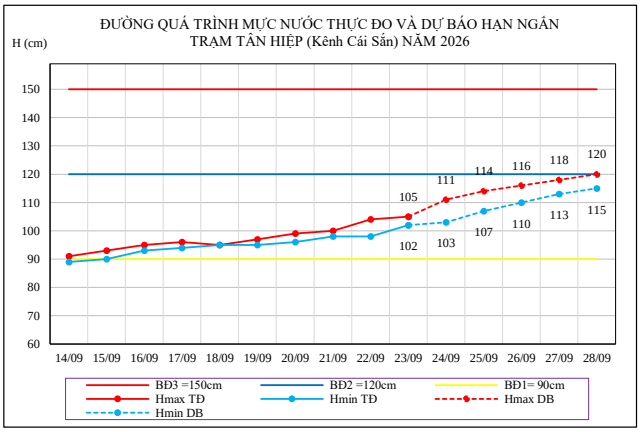
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN HIỆP (Kênh Cái Sắn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =150cm
BĐ2 =120cm
BĐ1= 90cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

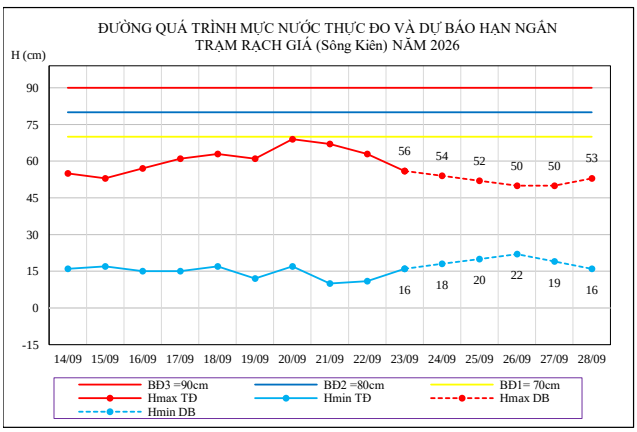
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM RẠCH GIÁ (Sông Kiên) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =90cm
BĐ2 =80cm
BĐ1= 70cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB

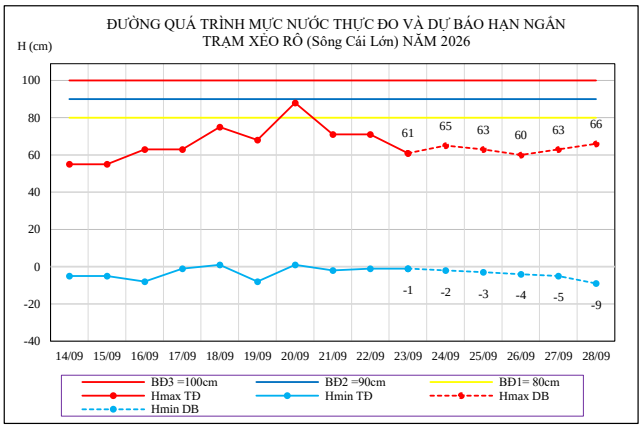
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XẺO RÔ (Sông Cái Lớn) NĂM 2026
H (cm)
BĐ3 =100cm
BĐ2 =90cm
BĐ1= 80cm
Hmax TĐ
Hmin TĐ
Hmax DB
Hmin DB